

Ngọc Hôi, ngày 26 tháng 7 năm 2022

Số: 09/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lương Thị D - sinh năm 1979;

- Anh Phạm Văn T - sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 18 tháng 7 năm 2022, người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lương Thị D và anh Phạm Văn T đã thỏa thuận được với nhau những vấn đề sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị D và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ, chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, thậm chí xảy ra xung đột, do vợ, chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn mỗi ngày một trầm trọng không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thời kỳ hôn nhân anh, chị sinh được hai con chung là Phạm Thị C – sinh ngày 04-7-2004 và Phạm Minh C – sinh ngày 09-8-2009 anh, chị thỏa thuận: Chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi hai con trưởng thành, tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong bản tự khai của cháu Phạm Thị C và cháu Phạm Minh C, các cháu đều có nguyện vọng là: Khi bố, mẹ ly hôn hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Lương Thị D nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét thấy:

* Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án thụ lý giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung như đơn yêu cầu.

* Về Hôn nhân: Chị Lương Thị D và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ, chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, thậm chí xảy ra xung đột, do vợ, chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn mỗi ngày một trầm trọng không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đây là lý do của mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con Anh, chị có hai con chung là Phạm Thị C – sinh ngày 04-7-2004 và Phạm Minh C – sinh ngày 09-8-2009, khi ly hôn chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi hai con trưởng thành, tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong bản tự khai của hai cháu Phạm Thị C và Phạm Minh C, khi bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm sóc các cháu tốt hơn, thấy: Nguyện vọng của cháu Phạm Thị C và cháu Phạm Minh C đều phù hợp với thỏa thuận nuôi con của anh T và chị D. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chị Lương Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thị C – sinh ngày 04-7-2004 và Phạm Minh C – sinh ngày 09-8-2009 đến khi hai con trưởng thành, tự lập được, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của anh Phạm Văn T và chị Lương Thị D là hoàn toàn có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lương Thị D.

- Về con chung: Chị Lương Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phạm Thị C – sinh ngày 04-7-2004 và Phạm Minh C – sinh ngày 09-8-2009 đến khi hai con trưởng thành, tự lập được. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/BUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lương Thị D nhận chịu toàn bộ số tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị Dư đã nộp tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002783 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- UBND xã S-huyện Q-tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bá Khen